

Bản án số: 77 /2018/DS-ST

Ngày: 08/10/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Nguyễn Tấn Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Nam**
2. Ông **Vũ Quốc Lập**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Ông **Lê Quốc Tung** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: Không tham gia.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2018, Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2018/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lư Thị N**, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn : 1/ Ông **Đặng Quốc H**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

2/ Bà **Võ Thị Ánh N1**, sinh năm 1986 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2018, nguyên đơn bà Lư Thị N trình bày:*

Vào tháng 11/2016 tôi có cho ông Đặng Quốc H vay số tiền 20.000.000 đồng, ông H, bà N1 tự động đóng lãi 50.000đồng/ 10.000.000 đồng/ tháng. Thời hạn trả gốc và lãi là ngày 15/01/2017 âm lịch, việc vay tiền có làm biên nhận, từ khi vay cho đến nay, ông H chỉ đóng lãi được 1,5 tháng thì ngưng cho đến nay.

Đến ngày 28/7/2017 bà N1 vợ ông H có viết biên nhận nợ cho tôi và hẹn hàng tháng trả cho tôi 2.000.000 đồng trả vào ngày 10 hàng tháng, nhưng vợ chồng ông H, bà N1 trả cho tôi được 1.900.000 đồng thì không trả nữa.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng ông H, bà N1 trả cho tôi số tiền vay còn thiếu là 18.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại Biên bản không hòa giải được ngày 28/8/2018 bị đơn bà Võ Thị Ánh N1 trình bày:

Trước đây chồng tôi ông Đặng Quốc H còn sống chung với tôi, việc ông H có vay nợ của bà Lư Thị N như thế nào tôi không biết, sau này ông H bỏ địa phương đi, bà N đến đòi nợ, thấy bà N cũng đã già, nên tôi đồng ý viết giấy nhận nợ ngày 28/7/2017 thừa nhận còn thiếu nợ bà N 20.000.000 đồng, chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 28/7/2018 tên Võ Thị Ánh N1 là chữ ký của tôi, tôi có hứa trả cho bà N mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả vào ngày 10 hàng tháng, nhưng do ông H đã bỏ địa phương đi, một mình tôi phải nuôi 02 con, nghề nghiệp lại không ổn định, nên không có tiền trả, nhưng tôi đã cố gắng trả cho bà N được 1.900.000 đồng. Tôi có thông báo việc bà N kiện ra Tòa cho ông H biết, ông H cho rằng đã trả lãi cho bà N rất nhiều, nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu, nên không chịu trả thêm. Nhưng nay bà N yêu cầu trả 18.100.000 đồng thì tôi cũng đồng ý trả, nhưng xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Nhưng tại phiên tòa phía bà N1 không đồng ý trả nợ, bà cho rằng ông H vay thì ông H trả.

Từ ngày Tòa án thụ lý cho đến nay bị đơn ông Đặng Quốc H (chồng bà Võ Thị Ánh N1) không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lư Thị N khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Ánh N1 và chồng ông Đặng Quốc H trả tiền vay. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng phía ông Đặng Quốc H vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Quốc H là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Tại phiên tòa Nguyên đơn bà Lư Thị N yêu cầu bà N1, ông H trả cho bà số tiền: 18.100.000 đồng. Tại phiên hòa giải bà N1 thống nhất nợ tiền vay của bà N 18.100.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Nhưng tại phiên tòa bà N1 không đồng ý trả nợ, cho rằng ông H vay ông H trả.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận bởi lý do sau:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 thì: “Bên vay tài sản là tiền, thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng....”.

Do đó nghĩ nên buộc phía bị đơn bà N1 và chồng ông H có trách nhiệm trả cho Nguyên đơn bà N số tiền; 18.100.000 đồng tiền gốc là đúng pháp luật.

Xét yêu cầu của bà N1 không đồng ý trả nợ: Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù trước đây ông H chồng bà N1 là người trực tiếp giao dịch với bà N, Nhưng ngày 28/7/2017 chính bà N1 đã viết biên nhận nhận có vay của bà N 20.000.000 đồng và đã trả cho bà N 1.900.000 đồng tại phiên tòa bà N1 vẫn thừa nhận điều này, do đó bà N1 phải có trách nhiệm cùng với ông H trả nợ cho bà N là đúng pháp luật. tại phiên tòa bà N1 cho rằng ông H có điện thoại về nói là đã trả lãi cho bà N hơn 18.000.000 đồng, tại phiên tòa bà N không thừa nhận, bà N1 không có chứng cứ gì để chứng minh việc bà N nhận tiền lãi của ông H hơn 18.000.000 đồng cho nên không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Án phí: Ông Đặng Quốc H và bà Võ Thị Ánh N1 phải nộp án phí giá ngạch trên số tiền trả cho nguyên đơn cụ thể: 18.100.000 đồng x 5% = 905.000 đồng. Nguyên đơn không phải nộp án phí, trả lại án phí cho Nguyên đơn bà Lư Thị N số tiền 452.000 đồng theo phiếu thu số 0003495 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Đức.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ Luật Dân sự năm 2005, Điều 688, 357 Bộ luật dân sự 2015.
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lư Thị N yêu cầu ông Đặng Quốc H và vợ bà Võ Thị Ánh N1 phải trả nợ vay.

- Buộc: Bà Võ Thị Ánh N1 và chồng ông Đặng Quốc H phải có nghĩa vụ trả cho bà Lư Thị N số tiền: 18.100.000 đồng (Mười tám triệu một trăm ngàn đồng chẵn)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không chấp hành thì phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Đặng Quốc H và bà Võ Thị Ánh N1 phải nộp án phí giá ngạch trên số tiền trả cho nguyên đơn cụ thể: 18.100.000 đồng x 5% = 905.000 đồng. nguyên đơn không phải nộp án phí, trả lại án phí cho Nguyên đơn bà Lư Thị N số tiền 452.000 đồng theo phiếu thu số 0003495 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Báo các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đặng Quốc H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (niêm yết) Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Lợi